

quy hoạch) tại Thông tư số 05/1999/TT-BKH ngày 11 tháng 11 năm 1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quản lý các dự án quy hoạch như sau:

“2.2. Các dự án quy hoạch sử dụng vốn ngân sách nhà nước được cân đối vốn trong kế hoạch đầu tư hàng năm gồm:

.....

- Dự án quy hoạch phát triển ngành, bao gồm cả quy hoạch hệ thống các khu công nghiệp; quy hoạch sử dụng đất đai cả nước, các vùng kinh tế và các vùng kinh tế trọng điểm”.

- Dự án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung xây dựng đô thị, nông thôn, quy hoạch chi tiết các trung tâm đô thị”.

2. Bổ sung điểm 3 về thẩm quyền thẩm định các dự án quy hoạch như sau:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cả nước; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có vị trí quan trọng, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Trong mỗi thời kỳ kế hoạch, Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét và phê duyệt danh mục những ngành, lĩnh vực, những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có vị trí quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân.

Riêng các dự án quy hoạch có liên quan đến nhiều ngành, nhiều vùng thì tùy từng trường hợp cụ thể, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ giao cho Hội đồng Thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư để thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định các dự án quy hoạch theo phân cấp

quản lý vốn các dự án quy hoạch nêu tại điểm 3 của Thông tư số 05/1999/TT-BKH ngày 11 tháng 11 năm 1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm 3, mục 3-1 Thông tư số 05/1999/TT-BKH ngày 11 tháng 11 năm 1999 hướng dẫn quản lý các dự án quy hoạch như sau:

“Các Bộ quản lý ngành tổ chức thực hiện các dự án quy hoạch phát triển ngành; Tổng cục Địa chính quản lý nhà nước về quy hoạch sử dụng đất đai, trực tiếp thực hiện các dự án quy hoạch sử dụng đất đai cả nước, các vùng kinh tế và các vùng kinh tế trọng điểm”.

4. Chuyển điểm 3 của Thông tư số 05/1999/TT-BKH ngày 11 tháng 11 năm 1999 thành điểm 4; tương tự các điểm 4, 5, 6, 7 thành các điểm 5, 6, 7, 8.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TRẦN XUÂN GIÁ

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**QUYẾT ĐỊNH số 722/2000/QĐ-BLĐTBXH
ngày 02/8/2000 về việc bổ sung,
sửa đổi danh mục trang bị phương
tiện bảo vệ cá nhân cho người lao
động làm nghề, công việc có yếu
tố nguy hiểm, độc hại.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

Căn cứ vào Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và

trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ vào Nghị định số 96/CP ngày 07/12/1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ vào Điều 6 của Nghị định số 06/CP ngày 20/1/1995 của Chính phủ và Thông tư số 10/1998/TT- BLĐTBXH ngày 28/5/1998 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bảo hộ lao động,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số mục trong Danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại đã ban hành kèm theo Quyết định số 955/1998/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/9/1998 (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thứ trưởng

LÊ DUY ĐỒNG

Phụ lục

SỬA ĐỔI MỘT SỐ MỤC TRONG DANH MỤC TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN CHO NGƯỜI LÀM NGHỀ, CÔNG VIỆC CÓ YẾU TỐ NGUY HIỂM, ĐỘC HẠI

(ban hành kèm theo Quyết định số 722/2000/QĐ-BLĐTBXH ngày 02/8/2000).

| Số thứ tự | Tên nghề, công việc | Tên trang bị | Ghi chú |
|-----------|---|---|--|
| | IV. KHAI KHOÁNG | | |
| | IV.2. Khai thác lộ thiên và những việc làm trên tầng | | |
| 28. | - Vận hành băng tải, kiểm tra loại thải đá và các tạp chất trên băng chuyên, trên toa xe và ở kho bãi chứa. | - Quần áo vải; - Mũ vải ⁽¹⁾ ; - Găng tay cao su; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang; - Khăn choàng chống bụi, nắng, nóng; - Áo di mưa ⁽²⁾ ; - Xà phòng. | ⁽¹⁾ Thay bằng mũ hoặc nón chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời; ⁽²⁾ Trang bị cho người làm việc ngoài trời. |

21660517

| IX. LUYỆN KIM - ĐÚC | | | |
|---|---|--|---|
| IX.1. Luyện cốc | | | |
| 1. | - Vận hành, đúng máy nghiền, sàng, băng tải cung cấp nguyên nhiên liệu cho lò luyện. | <ul style="list-style-type: none"> - Quần áo vải; - Mũ vải hoặc mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng. | (1) Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với bùn nước. |
| 2. | <ul style="list-style-type: none"> - Lái xe rót than, tổng, chặn, đập cốc; vận hành băng tải than cốc; - Kỹ thuật lò cốc: Kiểm nhiệt, điều nhiệt lò cốc... | <ul style="list-style-type: none"> - Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang; - Găng tay vải bạt; - Giày da thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học hoặc kính màu chống bức xạ; - Khăn mặt bông; - Áo mưa vải bạt ngắn; - Xà phòng. | |
| 3. | - Vận hành các thiết bị cốc hóa. | <ul style="list-style-type: none"> - Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt hoặc giày da thấp cổ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng. | |
| IX.2. Luyện - Đúc - Cán kim loại | | | |
| 4. | <ul style="list-style-type: none"> - Vận hành máy, thiết bị đập, nghiền, sàng, trộn, tuyển rửa nguyên liệu; - Cân nguyên nhiên liệu; - Lái và điều khiển các loại máy, thiết bị nạp hoặc dỡ liệu cho lò (cầu trục nạp liệu, dỡ liệu...). | <ul style="list-style-type: none"> - Quần áo vải; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng. | (1) Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với bùn nước. |

| | | | |
|-----|--|--|--|
| 5. | - Làm sạch vật đúc. | <ul style="list-style-type: none"> - Quần áo vải; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su⁽¹⁾; - Khăn mặt bông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng. | ⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. |
| 6. | - Coi nước, gió nóng. | <ul style="list-style-type: none"> - Quần áo vải; - Mũ vải hoặc mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng. | |
| 7. | - Đứng máy thiêu kết, băng chuyền nóng. | <ul style="list-style-type: none"> - Quần áo vải bạt; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang; - Khăn mặt bông; - Kính màu chống bức xạ; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giày da cao cổ; - Xà phòng. | |
| 8. | <ul style="list-style-type: none"> - Vận hành tại trung tâm: vận hành lò điện, lò cao để nung luyện, nấu chảy quặng, kim loại hoặc hợp kim; - Vận hành máy đúc. | <ul style="list-style-type: none"> - Quần áo vải; - Giày vải bạt thấp cổ; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang; - Xà phòng. | |
| 11. | <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị phối liệu đúc; - Phá khuôn đúc. | <ul style="list-style-type: none"> - Quần áo vải; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng. | |
| 12. | <ul style="list-style-type: none"> - Sấy thùng rót kim loại; - Đưa nguyên liệu, phụ gia vào lò; - Nấu, rót kim loại lỏng vào khuôn đúc; cắt phôi; - Đứng điều khiển, thao tác các dòng sản phẩm kim loại nóng. | <ul style="list-style-type: none"> - Quần áo vải bạt; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Khẩu trang; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học hoặc kính màu chống bức xạ; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; | ⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết. |

| | | | |
|-----|---|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Yếm vải bạt; - Ghệt vải bạt; - Giấy da cao cổ; - Khăn mặt bông; - Đệm vai vải bạt⁽¹⁾; - Xà phòng. - Quần áo vải bạt; - Giấy da cao cổ⁽¹⁾; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Khẩu trang; - Kính màu chống bức xạ; - Nút tai chống ồn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng. - Quần áo vải bạt; - Giấy da cao cổ; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông - Xà phòng. - Quần áo vải; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giấy vải bạt hoặc giấy da thấp cổ; - Khẩu trang; - Xà phòng. - Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giấy vải bạt hoặc giấy da cao cổ; - Kính màu chống bức xạ⁽¹⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học⁽²⁾; - Khẩu trang; - Xà phòng. - Quần áo vải bạt; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giấy da cao cổ; - Khẩu trang; - Kính màu chống bức xạ; - Áo mưa vải bạt ngắn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng. | <p>⁽¹⁾ Lái máy có thể thay bằng giấy vải bạt thấp cổ.</p> <p>⁽¹⁾ Trang bị để sử dụng khi lấy mẫu.</p> <p>⁽²⁾ Trang bị để sử dụng khi kiểm định mẫu.</p> |
| 14. | <ul style="list-style-type: none"> - Vận hành hoặc đứng máy, thiết bị cán thổi, cán thô, cán tinh, cửa cắt kim loại nóng... - Lái máy, thiết bị phục vụ chính cho cán: máy cán, cửa, cắt... | | |
| 15. | - Cán kim loại bằng phương pháp thủ công. | | |
| 16. | - Hoàn thiện sản phẩm. | | |
| 17. | - Lấy mẫu, kiểm định (gia công) mẫu. | | |
| 18. | - Xử lý, thải đổ xỉ rác. | | |

X. CƠ KHÍ

X.1. Gia công kim loại

- | | | | |
|----|--|---|---|
| 5. | - Gia công, hàn cắt kim loại bằng điện (hàn điện). | - Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giày da cao cổ; - Ghệt vải bạt; - Mặt nạ hàn; - Dây an toàn ⁽¹⁾ ; - Khẩu trang; - Khăn mặt bông; - Xà phòng. | (1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. |
| 6. | - Gia công hàn cắt kim loại bằng hơi kỹ thuật (hàn hơi); + Hàn đồng (hàn nóng chảy); + Hàn nhôm, crôm. | - Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giày da cao cổ; - Ghệt vải bạt; - Kính hàn hơi; - Khẩu trang; - Khăn mặt bông; - Dây an toàn ⁽¹⁾ ; - Xà phòng. | (1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. |

XI. TRỒNG TRỌT - CHĂN NUÔI - THÚ Y

XI.1. Trồng - Thu hoạch cây lương thực, cây công nghiệp

- | | | | |
|----|---|---|--|
| 1. | - Trồng, chăm sóc cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp (trừ một số cây đã được nêu chức danh cụ thể). | - Quần áo vải; - Mũ hoặc nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng. | |
|----|---|---|--|

XVII. SẢN XUẤT HÓA CHẤT

XVII.6. Hơi kỹ thuật - Que hàn - Đất đèn

- | | | | |
|-----|--|--|--|
| 77. | - Rửa chai, kiểm tra chai, đánh rỉ chai ôxy; - Vận hành lò điện cực sản | - Quần áo vải; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; | |
|-----|--|--|--|

| | | | |
|--|--|---|---|
| <p>78.</p> <p>79.</p> <p>80.</p> <p>81.</p> <p>83.</p> | <p>xuất đất đèn, chưng dầu cốc; - Nghiền, sàng, sấy, trộn chất bọc que hàn.</p> <p>- Vận hành lò luyện đất đèn; - Hàn điện cực lò luyện đất đèn.</p> <p>- Xay đất đèn, đập đất đèn, nghiền sàng than, vôi.</p> <p>- Đóng thùng đất đèn.</p> <p>- Vào liệu lò luyện đất đèn.</p> <p>- Sản xuất vỏ thùng đất đèn, đập nắp, cuộn tôn; - Kéo sắt đánh rỉ que hàn, cắt lõi que hàn; - Trộn ướt, ép bánh chất bọc que hàn; - Vận hành máy ép que hàn; - Điều chế Axetylen.</p> | <p>- Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học hoặc kính màu chống bức xạ; - Khẩu trang; - Khăn mặt bông; - Xà phòng. - Quần áo vải; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giày da cao cổ; - Khẩu trang; - Kính màu chống bức xạ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng. - Quần áo vải; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Khẩu trang; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng. - Quần áo vải; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng. - Quần áo vải; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ; - Khẩu trang; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa vải bạt ngắn⁽¹⁾; - Xà phòng. - Quần áo vải; - Mũ vải hoặc mũ chống chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang; - Xà phòng.</p> | <p>⁽¹⁾ Trang bị chung để dùng khi cần thiết.</p> |
|--|--|---|---|